TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2022/DS-ST
Ngày: 18/8/2022
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Ngọc Cảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Vũ Thị Thanh Hương**

2. Bà **Lê Thị Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Ngọc Thúy** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm *tham gia phiên toà:* Bà **Vũ Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2022/QĐST-HPT ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VN TV (gọi tắt là VPB)

Địa chỉ: số X L H, phường L H, quận Đ Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông **Ngô Chí D** (Chủ tịch hội đồng quản trị VPB).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Anh T**, Ông **Đỗ Thành T**, Ông **Phạm Tuấn A**, Bà **Thái Thị Hồng H** (Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-

HĐQT ngày 07/7/2020); Ông **Phạm Tuấn A** ủy quyền lại cho Ông **Vương Văn T**, Bà **Nguyễn Thị Bích L**, Ông **Lê Phúc L** (Văn bản ủy quyền số 3357/2021/UQ-LCC-HKCNMB2, ngày 30/11/2021 về việc nộp đơn khởi kiện và tham gia tố tụng tại Tòa án).

2. Bị đơn: Ông **Vũ Tuấn N**, sinh năm 19XX; Bà **Nguyễn Thị N1**, mất năm 2019.

HKTT và ở: số X ngách Y đường Đ D, tổ dân phố số Z, phường P D, quận B T L, TP Hà Nội.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị N1:

- Ông **Vũ Tuấn N**, sinh năm 19XX; HKTT và ở: số X ngách Y đường Đ D, tổ dân phố số Z, phường P D, quận B T L, TP Hà Nội.

- Chị **Vũ Thị Tuyết H**, sinh năm 19XX; Địa chỉ: số X ngách Y V T 2, phường M K, quận B T L, TP Hà Nội,

- Chị **Vũ Thị Minh H**, sinh năm 19XX; Địa chỉ: số X ngách Y đường C D, tổ dân phố N L 1, phường M K, quận B T L, TP Hà Nội. Hiện trú tại: số X ngõ Y phố C C, thôn H, phường T M, quận N T L, TP Hà Nội,

- Chị **Vũ Thị Thu H1**, sinh năm 19XX; HKTT: tổ X, phường P D, quận B T L, TP Hà Nội; Địa chỉ: ngõ X P M, tổ dân phố V T 1, phường M K, quận B T L, TP Hà Nội,

- Anh **Vũ Văn C**, sinh năm 19XX; Địa chỉ: số X ngách Y đường Đ D, tổ dân phố số Z, phường P D, quận B T L, TP Hà Nội.

- Anh **Vũ Văn T**, sinh năm 19XX; Địa chỉ: số X ngách Y đường Đ D, tổ dân phố số Z, phường P D, quận B T L, TP Hà Nội.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Đặng Thanh T**, sinh năm 19XX;

- Chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 19XX;

- Anh **Vũ Tiến D**, sinh năm 20XX;

Cùng Địa chỉ: số X ngách Y đường Đ D, tổ dân phố số Z, phường P D, quận B T L, TP Hà Nội.

- **Tổng công ty cổ phần bảo hiểm P** (Gọi tắt là P; Địa chỉ: tầng X Tòa nhà M, số Y T S, quận Đ Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Phi L -** Chuyên viên pháp chế Tổng công ty (theo Giấy ủy quyền số 297/GUQ-TGĐ ngày 06/6/2022).

(Tại phiên tòa có mặt ông Lê Phúc L, chị Vũ Thị Tuyết H, chị Vũ Thị Minh H, anh Vũ Văn C, chị Đặng Thanh T, chị Nguyễn Thị G, ông Bùi Phi L, vắng mặt ông Vũ Tuấn N, chị Vũ Thị Thu H1, anh Vũ Văn T, anh Vũ Tiến D).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021, các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N vay của VPB tổng số tiền là **800.000.000** đồng (Bằng chữ: *Tám trăm triệu đồng chẵn*) theo Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ/ Văn bản tín dụng kèm theo, cụ thể như sau:

1. Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LN1811091055492 ký ngày 13/11/2018:

- Số tiền vay: **300.000.000** *(Ba trăm triệu đồng)*.

- Thời hạn vay: 84 tháng.

- Mục đích vay: Đầu tư TSCĐ phục vụ kinh doanh Buôn chuyến Hoa Quả.

- Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 11.5%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh theo quy định sau: lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/04/2019. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng: lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm ("mức lãi suất cho vay điều chỉnh"). Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của Bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 84 tháng và điều chỉnh lãi suất là 03 tháng.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn nhưng tối đa không quá 10%/năm.

- Số tiền đã trả:

Gốc đã trả	Lãi đã trả	Tổng cộng

32,139,004	26,986,308	59,125,312

- Số tiền còn nợ:

Gốc phải trả	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi chậm trả	Tổng cộng
267,860,996	8,979,715	127,913,812	20,405,611	425,160,134

- Ngày chuyển nợ quá hạn: 16/09/2019.

Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LN1810110987141 ký ngày 19/10/2018:

- Số tiền vay: 500.000.000 *(Năm trăm triệu đồng)*.

- Thời hạn vay: 84 tháng.

- Mục đích vay: Đầu tư TSCĐ phục vụ kinh doanh Buôn chuyến Hoa Quả.

- Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 11.5%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh theo quy định sau: lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/04/2019. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng: lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4,5%/năm ("mức lãi suất cho vay điều chỉnh"). Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của Bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn 84 tháng và điều chỉnh lãi suất là 03 tháng.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn nhưng tối đa không quá 10%/năm.

- Số tiền đã trả:

Gốc đã trả	Lãi đã trả	Tổng cộng
59,764,853	48,467,346	108,232,199

- Số tiền còn nợ:

Gốc phải trả	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi chậm trả	Tổng cộng
440,235,147	14,960,565	209,695,192	32,464,638	697,355,542

- Ngày chuyển nợ quá hạn: 16/09/2019.

Tài sản bảo đảm của các khoản vay nêu trên là:

Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: X tờ bản đồ số: Y, tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BM 231752, số vào sổ cấp GCN: CH01161, số QĐ: 3227/QĐ-UBND do UBND huyện Từ Liêm (nay là quận Bắc Từ Liêm), thành phố Hà Nội, cấp ngày 19/06/2013 thuộc sở hữu của Ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N.

Tính đến ngày 13/05/2022 Ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N đã trả cho VPB số tiền là:

TT	Số HĐTD	Ngày vay	Gốc đã trả	Lãi đã trả	Tổng trả
	Hợp đồng tín dụng số LN1811091055492	13/11/2018	32,139,004	26,986,308	59,125,312
	Hợp đồng tín dụng số LN1810110987141	19/10/2018	59,764,853	48,467,346	108,232,199
Tổng cộng			91,903,857	75,453,654	167,357,511

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N đã vi phạm N vụ trả nợ đối với VPB nên toàn bộ dư nợ của khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng. Sau khi khoản nợ bị chuyển nợ quá hạn, VPB đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N vẫn không thực hiện N vụ trả nợ. Tính đến ngày 11/05/2022 ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N còn nợ VPB số tiền là:

TT	Số HĐTD	Gốc phải trả	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi chậm trả	Tổng cộng
	Hợp đồng tín dụng số LN1811091055492	267,860,996	8,979,715	127,913,812	20,405,611	425,160,134
	Hợp đồng tín dụng số	440,235,147	14,960,565	209,695,192	32,464,638	697,355,542

	LN1810110987141					
Tổng cộng		708,096,143	23,940,280	337,609,004	52,870,249	1,122,515,676

Bà Nguyễn Thị N mất năm 2019. Ông N và bà N có 5 người con gồm Vũ Thị Tuyết H, Vũ Thị Minh H, Vũ Thị Thu H, Vũ Văn C và Vũ Văn T. Tháng 10/2018 và tháng 11/2018, ông N và bà N có ký hợp đồng với bảo hiểm P vì ông bà tuổi đã cao. Khi bà N mất ngân hàng có công văn yêu cầu bảo hiểm phải chi trả cho ngân hàng. Phía bảo hiểm giải thích bà N không thuộc trường hợp chi trả bảo hiểm vì bà N mất do bệnh tật không phải do tai nạn. Do đó, phía ngân hàng không nhận được khoản tiền nào từ phía bảo hiểm.

Để đảm bảo quyền lợi cho ngân hàng, VP B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Tuấn N và hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N phải thực hiện toàn bộ các N vụ đối với VPB, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 29/6/2022 khoản tiền này là:

TT	Số HĐTD	Gốc phải trả	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi chậm trả	Tổng cộng
	Hợp đồng tín dụng số LN1811091055492	267,860,996	8,979,715	134.174.053	22.322.712	433.337.476
	Hợp đồng tín dụng số LN1810110987141	440,235,147	14.732.574	220.535.692	35.575.187	711.078.600
Tổng cộng		708,096,143	23.712.289	354.709.745	57.897.899	1.144.416.076

Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Vũ Tuấn N và hàng thừa kế thứ nhất của ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thì N thực tế thanh toán hết nợ cho VPB.

Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: VPB có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Toàn bộ

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số: X tờ bản đồ số: Y, tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BM 231752, số vào sổ cấp GCN: CH01161, số QĐ: 3227/QĐ-UBND do UBND huyện Từ Liêm (nay là quận Bắc Từ Liêm), thành phố Hà Nội, cấp ngày 19/06/2013 thuộc sở hữu của Ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N; Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của bên vay trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án ông Vũ Tuấn N trình bày:

Ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N xây dựng gia đình năm 1972, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội (Nay là phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội). Ông và bà N có 05 người con gồm:

Chị Vũ Thị Tuyết H, sinh năm 19XX; Địa chỉ: số x ngách Y V T 2, phường M K, quận B T L, TP Hà Nội

Chị Vũ Thị Minh H, sinh năm 19XX; Địa chỉ: số X ngách Y đường C D, phường M K, quận B T L, TP Hà Nội.

Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 19XX; Địa chỉ: tổ dân phố V T 1, phường M K, quận B T L, TP Hà Nội.

Anh Vũ Văn C, sinh năm 19XX; Địa chỉ: số X ngách Y đường Đ D, tổ dân phố số Z, phường P D, quận B T L, TP Hà Nội.

Anh Vũ Văn T, sinh năm 19XX; Địa chỉ: số X ngách Y đường Đ D, tổ dân phố số Z, phường P D, quận B T L, TP Hà Nội.

Ngày 24/9/2019, vợ ông là bà Nguyễn Thị N mất do bệnh tật.

Ông và bà Nguyễn Thị N ký kết hợp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP VN TV - Chi nhánh Thăng Long như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN1810110987141 ngày 17/10/2018, khế ước nhận nợ lần 01/Số LN1810110987141: số tiền vay là 500 triệu đồng, mục đính vay để buôn hoa quả, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm trong thời hạn 1 năm và sau đó sẽ được điều chỉnh

theo định kỳ với biên bộ + 4,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Hợp đồng cho vay số LN1811091055492 ký ngày 13/11/2018, khế ước nhận nợ lần 01/Số LN1811091055492: số tiền vay là 300 triệu đồng, mục đính vay để buôn hoa quả, thời hạn vay là 84 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm trong thời hạn 1 năm và sau đó sẽ được điều chỉnh theo định kỳ với biên bộ + 4,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho toàn bộ khoản vay trên là toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khắc gắn liền với đất tại thửa đất số X, tờ bản đồ số Y tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BM231752, số vào số cấp GCN CH01161, số QĐ 3227/QĐ-UBND do UBND huyện Từ Liêm cấp ngày 19/6/2013 thuộc sở hữu của ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N.

Trên tài sản thế chấp hiện có những người sau sống trên đất: gia đình 2 con trai ông là anh Vũ Văn C, vợ là Đặng Thanh T, sinh năm 19XX, các con là cháu Vũ Văn D, sinh năm 20XX, cháu Vũ Nam K, sinh năm 20XX; anh Vũ Văn T, vợ là Nguyễn Thị G, sinh năm 19XX, các con là cháu Vũ Văn P, sinh năm 20XX, cháu Vũ Thị Q, sinh năm 20XX và ông.

Bà N và ông có tham gia bảo hiểm với P khi vay tiền tại ngân hàng. Tuy nhiên, do bà N mất do bênh tật, không được thanh toán tiền bảo hiểm, ông không có ý kiến gì.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng gia đình ông được ngân hàng giải ngân đủ số tiền 800 triệu đồng. Vợ chồng ông thực hiện N vụ trả gốc và lãi hàng tháng cho ngân hàng, số tiền trả được cho ngân hàng ông không nhớ. Do gia đình gặp khó khăn nên đến tháng 3/2019, ông không trả được lãi cho ngân hàng.

Ngân hàng khởi kiện đòi nợ vợ chồng ông. Do gia đình ông gặp khó khăn, ông ốm đau bệnh tật còn bà N thì đã mất. Đề nghị ngân hàng miễn toàn bộ lãi cho gia đình ông và tạo điều kiện cho các con ông và Vũ Văn C và Đặng Thanh

T được trả tiền gốc cho ngân hàng, trong vòng 4 năm, trả 6 tháng 1 lần, mỗi lần trả 90 triệu đồng cho ngân hàng.

Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng tiếp theo tại Tòa án, chị Vũ Thị Tuyết H, chị Vũ Thị Minh H, Chị Vũ Thị Thu H, anh Vũ Văn C cùng có ý kiến:

Các anh chị là con của ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N. Bố mẹ anh chị có 5 người con gồm:

- Vũ Thị Tuyết H, sinh năm 19XX; Địa chỉ: số X ngách Y V T 2, phường M K, quận B T L, TP Hà Nội;

- Vũ Thị Minh H, sinh năm 19XX; Địa chỉ: số X ngách Y đường C D, tổ dân phố N L 1, phường M K, quận B T L, TP Hà Nội. Hiện trú tại: số X ngõ Y phố C C, thôn H, phường T M, quận N T L, TP Hà Nội;

- Vũ Thị Thu H, sinh năm 19XX; HKTT: tổ X, phường P D, quận B T L, TP Hà Nội; Địa chỉ: ngõ X P M, tổ dân phố V T 1, phường M K, quận B T L, TP Hà Nội;

- Vũ Văn C, sinh năm 19XX; Địa chỉ: số X ngách Y đường Đ D, tổ dân phố số Z, phường P D, quận B T L, TP Hà Nội.

- Vũ Văn T, sinh năm 19XX; Địa chỉ: số X ngách Y đường Đ D, tổ dân phố số Z, phường P D, quận B T L, TP Hà Nội.

Ngoài ra không còn người con nào khác.

Bà Nguyễn Thị N mất năm 2019 do bệnh tật. Bố, mẹ bà N là Nguyễn Khắc K (mất năm 1999), Nguyễn Thị T (mất năm 1976).

Khi ông N và bà N ký hợp đồng vay tiền với Ngân hàng TMCP VN TV, các anh chị không biết. Khi Tòa án xuống thông báo thì gia đình mới biết được ông bà có khoản nợ với Ngân hàng V N TV như ngân hàng đã trình bày.

Ông N và bà N đã cao tuổi, bệnh tật. Khi ngân hàng cho ông bà vay đã ký hợp đồng bảo hiểm với công ty bảo hiểm, các anh chị đã được thông báo về việc mẹ anh chị mất không được thanh toán tiền bảo hiểm. Các anh chị không có ý kiến gì.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N và các con của ông N, bà N phải trả số tiền nợ theo các hợp đồng đã ký. Do ông N tuổi cao, bệnh tật, mẹ các anh chị

đã chết, đề nghị Ngân hàng giảm toàn bộ lãi cho gia đình anh chị được trả số tiền nợ gốc. Đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho hai vợ chồng Vũ Văn T và vợ là Đặng Thanh T được trả số tiền nợ gốc trong vòng 4 năm, trả 6 tháng 1 lần, mỗi lần trả 90 triệu đồng cho ngân hàng.

Tại bản tự khai và các băn bản tố tụng tiếp theo tại Tòa án chị Đặng Thanh T và chị Nguyễn Thị G có ý kiến:

Bố mẹ chồng các chị là Vũ Tuấn N và Nguyễn Thị N. Khi bà N mất tháng 8/2019 thì sau đó khoảng 3 tháng khi ngân hàng đến làm việc thì các chị biết ông bà có khoản vay đối với Ngân hàng VPB như phía ngân hàng trình bày. Các chị xin ngân hàng cho chậm 3 tháng tiền lãi nhưng ngân hàng không cho, yêu cầu phải tất toán toàn bộ khoản vay. Ngân hàng yêu cầu trả gốc và lãi phát sinh như đơn khởi kiện, quan điểm của các chị là người đang sống trên đất là: Ông N tuổi cao, bệnh tật, bà N thì đã mất, trách nhiệm trả nợ thuộc về những người đang sống trên tài sản thế chấp gồm Đặng Thanh T, Nguyễn Thị G, Vũ Văn T, Vũ Văn C phải trả nợ cho ngân hàng. Các chị xin ngân hàng giảm toàn bộ lãi suất của khoản vay và xin được trả nợ gốc trong vòng 4 năm, trả 6 tháng 1 lần, mỗi lần trả 90 triệu đồng cho ngân hàng.

Tại biên bản ghi lời khai anh Vũ Tiến D có ý kiến: Anh không biết việc ông bà anh là Vũ Tuấn N và Nguyễn Thị N vay tiền tại Ngân hàng TMCP VN TV. Hiện anh đang sống cùng bố mẹ anh là Vũ Văn C và Đặng Thanh T trên thửa đất ông bà anh thế chấp cho ngân hàng. Ngân hàng khởi kiện đòi nợ ông bà anh, quan điểm của anh là đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho gia đình anh. Do bà anh đã mất, ông anh bệnh tật nên đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ lãi khoản vay cho gia đình anh.

Anh Vũ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc và không có lời khai.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến: thay đổi cách tính lãi chậm trả còn lại vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV với tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/8/2022 là: **1.111.061.861** đồng *(Một tỷ một trăm mười một triệu không*

trăm sáu mốt Nn tám trăm sáu mốt đồng), bao gồm số tiền nợ gốc là: **708.096.143** đồng, lãi trong hạn là: **23.712.289** đồng, lãi quá hạn là: **372.315.149** đồng, lãi chậm trả là: **6.938.280** đồng (tính đến hết ngày 18/8/2022).

Trong trường hợp bị đơn không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là: Toàn bộ thửa số X, tờ bản đồ số Y tại thôn Đức Diễn, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội (Nay là phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM231752, số QĐ 3227/QĐ-UBND, Số vào sổ cấp GCN: CH01161 do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/6/2013 cho người sử dụng đất ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N. Kể từ ngày tiếp theo là ngày 19/8/2022, bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi suất của khoản vay cho đến ngày thực tế thanh toán hết khoản vay cho ngân hàng theo lãi suất tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

Chị Vũ Thị Tuyết H, chị Vũ Thị Minh H, anh Vũ Văn C, chị Nguyễn Thị G, chị Đặng Thanh T cùng có ý kiến: Do bố chúng tôi là ông Vũ Tuấn N tuổi đã cao, bệnh tật, mẹ chúng tôi là bà Nguyễn Thị N đã mất năm 2019. Hoàn cảnh gia đình chúng tôi rất khó khăn. Đề nghị Ngân hàng miễn một phần lãi của khoản vay cho vợ chồng Vũ Văn C và Đặng Thanh T được trả toàn bộ tiền gốc và một phần lãi cho Ngân hàng tổng cộng là 800.000.000 đồng *(Tám trăm triệu đồng)* trong vòng 3 tháng.

Ông Bùi Phi L giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án: Bà Nguyễn Thị N khi tham gia bảo hiểm đã 66 tuổi nên không thuộc trường hợp được hưởng bảo hiểm vì bà tử vong do bệnh tật.

Ông Vũ Tuấn N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và đơn xin chịu toàn bộ án phí dân sự thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người liên quan về cơ bản đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và N vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng tại phiên tòa ngày 18/8/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện của Ngân hàng VPB cùng các tài liệu các bên giao nộp là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Ngân hàng VPB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Tuấn N và hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N phải thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng, đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Gia đình ông Vũ Tuấn N hiện cư trú tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về xác định tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Theo Hợp đồng cho vay số LN1811091055492 ký ngày 13/11/2018; khế ước nhận nợ lần 01/ số LN1811091055492 ngày 13/11/2018; Hợp đồng cho vay số LN1810110987141 ký ngày 17/10/2018, khế ước nhận nợ lần 01/ số LN1810110987141 ngày 19/10/2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

ngày 17/10/2018 thì ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N là bị đơn. Tuy nhiên, năm 2019 bà N chết. Do đó theo quy định tại Điều 615, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N là những người có trách nhiệm thực hiện N vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại. Tài liệu trong hồ sơ và xác minh tại địa phương cung cấp: Bố mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị N là cụ Nguyễn Khắc K (mất năm 1999) và cụ Nguyễn Thị T (mất năm 1976). Bà N có chồng là ông Vũ Tuấn N và 05 người con là chị Vũ Thị Tuyết H, Chị Vũ Thị Minh H, chị Vũ Thị Thu H, anh Vũ Văn C và anh Vũ Văn T. Do đó, Tòa án xác định ông Vũ Tuấn N vừa là bị đơn, vừa cùng các con là chị H, chị H, chị H, anh C và anh T là những người kế thừa quyền và N vụ của bị đơn bà Nguyễn Thị N là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Bị đơn, người thừa kế quyền và N vụ của bà Nguyễn Thị N là ông Vũ Tuấn N, chị Vũ Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt; người thừa kế quyền và N vụ của bà Nguyễn Thị N: anh Vũ Văn T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Vũ Tiến D vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

2.1. Về yêu cầu đòi nợ theo hợp đồng tín dụng:

- Xét hiệu lực của 02 hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay số LN1811091055492 ký ngày 13/11/2018; khế ước nhận nợ lần 01/ số LN1811091055492 ngày 13/11/2018; Hợp đồng cho vay số LN1810110987141 ký ngày 17/10/2018, khế ước nhận nợ lần 01/ số LN1810110987141 ngày 19/10/2018 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 117 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực pháp luật.

- Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc theo 02 Hợp đồng tín dụng thấy: VPB cho bị đơn vay tổng số tiền là 800.000.000 đồng, mục đích để bị đơn bổ sung đầu tư TSCĐ phục vụ kinh doanh buôn chuyến hoa quả. Phía bị đơn đã nhận đủ

số tiền. Theo Hợp đồng các bên có thoả thuận: Bên vay cam kết trả nợ gốc theo định kỳ hàng tháng vào các 15 hàng tháng. Đối với Hợp đồng cho vay số LN1811091055492 ký ngày 13/11/2018 thì kỳ trả nợ gốc đầu tiên tính từ ngày 15/12/2018, tổng cộng 84 kỳ, mỗi kỳ phải trả là 3.571.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 3.607.000 đồng. Đối với hợp đồng cho vay số LN1810110987141 ký ngày 17/10/2018, kỳ trả nợ gốc đầu tiên tính từ ngày 15/11/2018, tổng cộng 84 kỳ, mỗi kỳ phải trả 5.952.000 đồng, kỳ cuối cùng trả 5.984.000 đồng. Quá trình thực hiện quyền và N vụ, phía bị đơn không thanh toán trả nợ cho VPB theo thỏa thuận. Tính đến ngày 16/9/2019 phía bị đơn đã vi phạm N vụ trả nợ đối với VPB, do đó cùng ngày 16/9/2019 ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn đối với bị đơn là phù hợp với sự thỏa thuận của các đương sự thể hiện trong 02 Hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, phía bị đơn đã trả cho VPB tổng số tiền nợ gốc là 91.903.857 đồng; Còn nợ số tiền nợ gốc là 708.096.143 đồng. Do đó, theo thỏa thuận trong 02 Hợp đồng tín dụng, Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự 2015, VP B có quyền đòi bị đơn phải trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Xét yêu cầu tính lãi của VPB: Căn cứ theo Hợp đồng cho vay số LN1811091055492 ký ngày 13/11/2018; khế ước nhận nợ lần 01/ số LN1811091055492 ngày 13/11/2018; Hợp đồng cho vay số LN1810110987141 ký ngày 17/10/2018, khế ước nhận nợ lần 01/ số LN1810110987141 ngày 19/10/2018 thấy: Thời gian đầu thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã thực hiện trả lãi theo đúng thỏa thuận của các bên. Song sau đó đã vi phạm N vụ trả nợ đối với VPB nên đã vi phạm hợp đồng tín dụng do không trả đúng lịch trả nợ vay. Tính đến ngày 18/8/2022, phía bị đơn mới thanh toán trả cho VP B số tiền lãi là 75.453.654 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, VPB yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả áp dụng đối với lãi chậm trả theo thỏa thuận tính đến ngày 18/8/2022 là 402.965.718 đồng, trong đó lãi trong hạn là 23.712.289 đồng, lãi quá hạn là 372.315.149 đồng, lãi chậm trả là 6.938.280 đồng. Tại phiên tòa, ngân hàng thay đổi cách tính lãi chậm trả là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Thông báo, Quyết định về lãi suất

qua các thời kỳ và Bảng kê tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm do nguyên đơn xuất trình đều thể hiện nguyên đơn đã áp dụng việc điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả trên cơ sở khi có sự điều chỉnh về lãi suất đúng như thoả thuận trong hợp đồng, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu tính lãi của VPB là có căn cứ, không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Như vậy có căn cứ để xác định, tính đến ngày 18/8/2022 bị đơn còn nợ VPB số tiền: Nợ gốc 708.096.143 đồng, lãi trong hạn 23.712.289 đồng, lãi quá hạn 372.315.149 đồng, lãi chậm trả là 6.938.280 đồng. Tổng số nợ: 1.111.061.861 đồng.

2.2. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của nguyên đơn:

- Xét tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo thực hiện N vụ cho các Hợp đồng tín dụng của bị đơn. Ngày 17/10/2018 ông Vũ Tuấn N và Nguyễn Thị N đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17/10/2018, số công chứng 3831/2018, quyển số 04-2018 TP/CC-SCC/HĐGD và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 13/11/2018 số công chứng 4326/2018, quyển số 04-2018 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội để vay vốn Ngân hàng. Tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số X, tờ bản đồ số Y tại thôn Đức Diễn, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội (Nay là phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM231752, số QĐ 3227/QĐ-UBND, Số vào sổ cấp GCN: CH01161 do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/6/2013 cho người sử dụng đất ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N, thấy rằng: Hợp đồng thế chấp đã được các bên tự nguyện tham gia ký kết, tài sản dùng thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của người thế chấp. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng công chứng và cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, việc thế chấp đã thực hiện đúng trình tự và thủ tục, tuân thủ đúng quy định tại Điều 317, 318, 319, 320, 326 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 106; Điều 130 Luật đất đai 2003; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Có căn cứ xác định Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17/10/2018, số

công chứng 3831/2018, quyển số 04-2018 TP/CC-SCC/HĐGD và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 13/11/2018 số công chứng 4326/2018, quyển số 04-2018 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật nên có giá trị thi hành.

Mục đích của thế chấp là người có nghĩa vụ dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận thế chấp, trong trường hợp nghĩa vụ đó không được bên thế chấp thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì phải giao tài sản đã thế chấp cho bên nhận thế chấp xử lý nhằm bảo đảm quyền lợi của bên nhận thế chấp. Ông N và bà N đã tự nguyện thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất trên cho VPB để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho bên vay vốn. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của VPB trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LN1811091055492 ký ngày 13/11/2018; khế ước nhận nợ lần 01/ số LN1811091055492 ngày 13/11/2018; Hợp đồng cho vay số LN1810110987141 ký ngày 17/10/2018, khế ước nhận nợ lần 01/ số LN1810110987141 ngày 19/10/2018 được chấp nhận.

Khi vay vốn tại ngân hàng, bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Tuấn N tham gia bảo hiểm sinh mạng cho người vay tại PJICO qua đại lý Ngân hàng TMCP VN TV chi nhánh Thăng Long, phòng giao dịch Lê Văn Lương theo Thông báo xác nhận bảo hiểm ngày 19/10/2018 và giấy chứng nhận bảo hiểm số P-18/TBI/TSA/6302/000282 do PJICO Thái Bình cấp ngày 19/10/2018. Tại thời điểm giao kết hợp đồng bà N đã 66 tuổi còn ông N 67 tuổi. Thời hạn bảo hiểm từ ngày 31/8/2018 đến 31/8/2019, số tiền bảo hiểm là 500 triệu đồng đối với mỗi đơn bảo hiểm (tương ứng với khoản vay tại ngân hàng của bị đơn), theo quy tắc ban hành kèm Quyết định số 174/2011/QĐ- P ngày 08/3/2011 của Tổng giám đốc P và các điều kiện, điều khoản thống nhất giữa P và Ngân hàng TMCP VN TV.

Các đương sự không có ý kiến gì và cũng không thắc mắc gì về việc giải quyết bảo hiểm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi

kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Ông Vũ Tuấn N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Vũ Tuấn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Trả lại VPB số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

- Các Điều 117, Điều 317, 318, 319, 320, 326, 351, 357, 463, 466, 468, 615, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 106, 130 Luật đất đai năm 2003;

- Khoản Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV đối với ông Vũ Tuấn N, bà Nguyễn Thị N.

2. Buộc ông Vũ Tuấn N, chị Vũ Thị Tuyết H, chị Vũ Thị Minh H, chị Vũ Thị Thu H, anh Vũ Văn C và anh Vũ Văn T phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV theo Hợp đồng cho vay số LN1811091055492 ký ngày 13/11/2018, khế ước nhận nợ lần 01/ số LN1811091055492 ngày 13/11/2018 và Hợp đồng cho vay số LN1810110987141 ký ngày 17/10/2018, khế ước nhận nợ lần 01/ số LN1810110987141 ngày 19/10/2018 với tổng số tiền là: **1.111.061.861** đồng *(Một tỷ một trăm mười một triệu không trăm sáu mốt Nn tám trăm sáu mốt đồng)*, bao gồm số tiền nợ gốc là: **708.096.143** đồng, lãi trong hạn là: **23.712.289** đồng, lãi quá hạn là: **372.315.149** đồng, lãi chậm trả là: **6.938.280** đồng (tính đến hết ngày 18/8/2022).

Trong trường hợp ông Vũ Tuấn N, chị Vũ Thị Tuyết H, chị Vũ Thị Minh H, chị Vũ Thị Thu H, anh Vũ Văn C và anh Vũ Văn T không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số X, tờ bản đồ số Y tại thôn Đức Diễn, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội (Nay là phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM231752, số QĐ 3227/QĐ-UBND, Số vào sổ cấp GCN: CH01161 do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp ngày 19/6/2013 cho người sử dụng đất ông Vũ Tuấn N và bà Nguyễn Thị N.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Vũ Tuấn N, chị Vũ Thị Tuyết H, chị Vũ Thị Minh H, chị Vũ Thị Thu H, anh Vũ Văn C và anh Vũ Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN1811091055492 ký ngày 13/11/2018; khế ước nhận nợ lần 01/ số LN1811091055492 ngày 13/11/2018; Hợp đồng cho vay số LN1810110987141 ký ngày 17/10/2018, khế ước nhận nợ lần 01/ số LN1810110987141 ngày 19/10/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

- Ông Vũ Tuấn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần VN TV số tiền 21.650.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam thịnh vượng đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0042850 ngày 9/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ngọc Cảnh

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *VKSND Q. Bắc Từ Liêm;*
- *Chi cục THADS Q. BắcTừ Liêm;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu văn phòng.*